

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2025/DS-ST**

Ngày 19/3/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Tuấn và bà Huỳnh Thị Thu Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T1 – Giám đốc PGD NHCSXH huyện Đ theo Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019. Có mặt.

Địa chỉ: T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q (nay là thôn B), xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Xuân K, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q (nay là thôn B), xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Trong năm 2013, Ngân hàng C - Phòng Giao dịch huyện Đ đã cho hộ bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K vay vốn theo các chương trình chính sách cụ thể như sau:

Ngày 07/7/2013, Ngân hàng C - Phòng Giao dịch huyện Đ phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị H được vay vốn theo chương trình hộ cận nghèo theo hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) số 6000004300062681 với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), thời hạn vay 03 năm, lãi suất trong hạn 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,099%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là 07/7/2016. Khoản vay đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 08/7/2016 nhưng đến nay khách hàng vẫn không trả được nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay vốn cho Ngân hàng.

Ngày 07/12/2013, Ngân hàng C - Phòng Giao dịch huyện Đ phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị H được vay vốn theo chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) số 6000004300062688 với số tiền là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*), thời hạn vay 05 năm, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là 07/12/2018 và được gia hạn 01 năm. Khoản vay đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 07/6/2019 nhưng đến nay khách hàng vẫn không trả được số nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 19/3/2025, hộ bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền gốc của hai hợp đồng vay vốn là 45.904.451 đồng (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc: 21.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn là 24.904.451 đồng.

Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền tổng cộng cả gốc và lãi của hai hợp đồng vay vốn là 45.904.451 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hồ sơ vay kể từ ngày 20/3/2025 cho đến khi trả xong nợ.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh*

Xuân K không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà tham gia phiên tòa:**

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:* Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng vay vốn tính đến ngày 19/3/2025 là: 45.904.451 đồng. Trong đó nợ gốc: 21.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn là 24.904.451 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ ngoài ra bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thấy rằng: Khi thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng C, bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn Q (nay là thôn B), xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà và Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”. Trong vụ án này các bên đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân K đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân K đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét hợp các đồng tín dụng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn thể hiện: Vào ngày 07/7/2013, Ngân hàng C - Phòng Giao dịch huyện Đ phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị H vay vốn theo chương trình hộ cận nghèo theo hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) số 6000004300062681 với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), mục đích trông chăm sóc cà phê, thời hạn vay 03 năm, lãi suất trong hạn 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,099%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là 07/7/2016 và ngày 07/12/2013, Ngân hàng C - Phòng Giao dịch huyện Đ cho hộ bà Nguyễn Thị H vay vốn theo chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) số 6000004300062688 với số tiền là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*), mục đích chi phí học tập cho con, thời hạn vay 05 năm, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là 07/12/2018 và được gia hạn 01 năm, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 07/6/2019. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên gia đình bà Nguyễn Thị H đã vi phạm hợp đồng dẫn đến tình trạng quá hạn do không thanh toán được khoản nợ gốc, lãi đến hạn theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của bên vay theo quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với ông Trịnh Xuân K là chồng của bà Nguyễn Thị H, là thành viên của hộ gia đình Nguyễn Thị H; ông Trịnh Xuân K ký trong sổ vay vốn với tư cách là người thừa kết; tuy nhiên, việc vay vốn của Ngân hàng C là nhằm mục đích trồng, chăm sóc cà phê và chi phí học tập cho con. Như vậy, việc vay vốn là nhằm mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình và vì nhu cầu thiết yếu của gia đình, phục vụ cho việc học tập của con cái. Căn cứ Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì ông Trịnh Xuân K cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Nguyễn Thị H trả nợ cho Ngân hàng C. Vì vậy, việc Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K cùng thực hiện trả nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K phải trả cho Ngân hàng C xã hội tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 19/3/2025 của hai hợp đồng vay vốn là 45.904.451 đồng (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc: 21.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn là 24.904.451 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của Ngân hàng C xã hội được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 103; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 7; Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

1. Về nghĩa vụ trả nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng vay vốn tính đến ngày 19/3/2025 là: 45.904.451 đồng (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc: 21.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn là 24.904.451 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/3/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước vay vốn, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân K phải chịu 2.295.222 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Tiến

